

Bản án số: **01/2020/HC-PT.**

Ngày 27 / 5 / 2020.

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Linh

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Huyền

Ông Nguyễn Như Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Châu Thùy Tam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 01/2020/TLPT-HC ngày 07 tháng 02 năm 2020, về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực giao thông nông thôn và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà **Lưu Thị Kim H**, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: số 249, đường CMTT, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Trần Thụy Quyên - Luật sư Văn phòng luật sư Thụy Quyên thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

*** Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân xã MTB, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: ấp PN, xã MTB, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MTB (vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MTB - ông Nguyễn Ngọc M

Địa chỉ: ấp PN, xã MTB, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã GiT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: ấp TT, xã GiT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã GiT (có mặt tại phiên tòa).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã GiT - ông Trần Văn L

Địa chỉ: ấp TT, xã GiT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang

(Có mặt tại phiên tòa).

5. Ông Nguyễn Tấn Th - Cán bộ ấp PhH, xã MTB

Địa chỉ: ấp PH, xã MTB, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Lưu Thị Kim H trình bày:

Bà là người quản lý, sử dụng phần đất diện tích 10.829m², thuộc thửa số 2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp TĐ, xã GiT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 229548 ngày 23/3/2010. Nhiều năm nay, ông Nguyễn Tấn Th, cán bộ ấp PH, xã MTB, huyện CT liên hệ bà xin xây dựng cầu ngang kênh Trà Nôm tại đất của bà, bà không đồng ý.

Ngày 18/8/2018, ông Th cho rằng ông là đại diện chính quyền địa phương đưa người xuống đất của bà để xây dựng cầu ngang kênh Trà Nôm, bà không đồng ý, có ý kiến phản đối, khiếu nại và báo cho ông Trần Văn L - Chủ tịch UBND xã GiT và ông Nguyễn Ngọc M - Chủ tịch UBND xã MTB. Khoảng ngày 22/8/2018, ông M có đến nhà bà xin lỗi về việc làm cầu không thông qua ý kiến của bà, hứa sẽ dừng. Trên thực tế, cây cầu vẫn được xây dựng hoàn thành được khoảng 70%. Từ đó, bà khiếu nại liên tục đến UBND huyện CT. Ngày 16/10/2018, Chủ tịch UBND huyện CT có tổ chức buổi tiếp xúc đề

giải quyết phản ánh của bà, tại buổi tiếp xúc này ông M thừa nhận ông là người chỉ đạo cho ông Th làm cầu tại đất của bà.

Ngày 31/10/2018, UBND huyện CT ban hành văn bản số 32/BB-UBND trích biên bản về việc tiếp dân nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của bà và kết luận: Việc xây dựng cầu qua phần đất của bà Lưu Thị Kim H, nhưng chưa có sự trao đổi, thống nhất của các hộ dân: Chính quyền xã MTB chưa thực hiện đúng quy trình; vấn đề này UBND xã MTB cần rút kinh nghiệm; đồng thời dừng thi công, nếu chưa thỏa thuận được thì yêu cầu tháo dỡ.

Đối với UBND xã GiT, khi có hành vi của ông Th cho xây dựng cầu trên đất của bà, bà báo cho UBND xã GiT biết, nhưng bà đến lần thứ 2 mà ông L - Chủ tịch UBND xã vẫn không có ý kiến chỉ đạo ngừng thi công, vẫn để công trình xây dựng đến 70%, làm ảnh hưởng đến tin thần và tổn thất tài sản của gia đình bà.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc UBND xã MTB tháo dỡ cầu bê tông tại ấp Phước Hòa xây dựng qua phần đất của bà;

- Buộc UBND xã MTB và UBND xã GT liên đới bồi thường thiệt hại cho bà, do không ngăn chặn hành vi trái pháp luật của cấp dưới, gây ảnh hưởng đến uy tín, tổn thất tinh thần và thiệt hại về kinh tế với số tiền tạm tính là 54.500.000đ, gồm: thiệt hại ngày công lao động 198 ngày x 200.000 đồng/ngày = 39.600.000đ; thiệt hại tinh thần, uy tín là 10 tháng lương cơ sở là 14.900.000đ.

- Buộc ông M, ông L và ông Th họp dân của hai xã (MTB và xã GiT) công khai xin lỗi trước nhân dân và yêu cầu người thân của họ chấm dứt hành vi nhấn tin đe dọa bà.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện Chủ tịch UBND xã MTB - ông Nguyễn Ngọc M, đồng thời là người đại diện người bị kiện UBND xã MTB, huyện CT, tỉnh Kiên Giang trình bày:

Trên địa bàn xã MTB hiện nay còn nhiều ấp có sông rạch và chưa có cầu nối liền các kênh, người dân phản ánh thiếu điều kiện đi di chuyển nối liền giữa các ấp. Thời điểm đó có hội từ thiện đến liên hệ với UBND xã để tài trợ xây cầu nông thôn. Khi nghe vậy, để tạo điều kiện cho địa phương phát triển kinh tế, sau khi khảo sát thì thấy ấp PH, xã MTB nối với ấp TĐ, xã GiT chưa có cầu qua lại, nên khi đó ông cùng ông Hữu trưởng ấp xuống khảo sát đất, thì vị trí thuận tiện cho việc xây cầu là trên đất của bà Lưu Thị Kim H tọa lạc ấp TĐ, xã GiT. Sau đó ông có kêu ông Th xuống gặp bà H để hỏi xin bà H cho xây cầu tại đất của bà nối qua ấp PH, xã MTB. Sau đó ông có điện thoại cho ông L - Chủ tịch UBND xã GiT để nhờ ông L nói với bà H việc xin bà H cho xây cầu trên đất bà và ông L cũng đồng ý. Do quen biết nhau nên hai bên

chỉ trao đổi qua điện thoại mà không làm văn bản, ngày qua ngày ông cứ nghĩ ông L đã nói với bà Hai xong, nên cũng không nghe ông L phản hồi ý kiến.

Ông không nhớ thời gian nào, đơn vị thi công cầu tiến hành thi công nhưng không có báo với địa phương mà tự ý tiến hành xây dựng cầu, người thân của bà H đang sử dụng đất của bà H không cho đơn vị thi công xây dựng cầu, đơn vị thi công báo lại với ông nên ông có gặp trực tiếp bà H để nói chuyện, ý kiến bà H là không đồng ý cho xây dựng cầu, nên ông có nói với đơn vị thi công là ngưng không tiếp tục xây dựng cầu nữa.

Sau khi nói chuyện với đơn vị thi công việc ngưng xây dựng cầu thì ông về, sau đó ông không biết việc đơn vị thi công không ngưng mà vẫn tiếp tục cho xây dựng cầu. Ông xác định, sau khi nhận ý kiến phản hồi của bà H không đồng ý cho xây dựng cầu thì ông có yêu cầu đơn vị thi công ngưng xây dựng, chứ ông không chỉ đạo cho đơn vị thi công tiếp tục xây dựng cầu thêm vài hạn mục như bà H trình bày.

Ông thừa nhận, khi xây dựng cầu trên đất bà H, UBND xã thiếu sự trao đổi, xin ý kiến của bà H vì nghĩ rằng Chủ tịch UBND xã GiT đã trao đổi với bà H, nhưng sau khi bà H không đồng ý cho xây dựng cầu thì ông đã chỉ đạo đơn vị thi công ngưng thi công. Sau cuộc đối thoại tại UBND huyện với bà H cùng ông và ông L, thì ông yêu cầu đơn vị thi công tháo dỡ công trình, nhưng khi tháo dỡ ông không có báo với bà H, vì bà H đã yêu cầu tháo dỡ từ đầu nên địa phương không báo cho bà H biết.

Ông là người bị kiện đồng thời là người đại diện cho người bị kiện UBND xã MTB, thừa nhận trong quá trình xây dựng cầu trên đất của bà H mà không xin ý kiến của bà là sai sót, nhưng hiện nay phía UBND xã đã tháo dỡ và khắc phục trả lại hiện trạng đất cho bà H sử dụng, hiện nay chỉ còn lại phần bê tông cốt còn rơi rớt sót lại trên nền đất, ông cam kết sau khi xét xử xong sẽ tiếp tục di dời phần bê tông này cho bà H. Ông xin lỗi bà H về những sai sót trong quá trình cho xây dựng cầu. Riêng về phần bồi thường thiệt hại thì ông đồng ý khắc phục thiệt hại ngày công lao động cho bà H là 20.000.000đ, còn những khoản tiền khác thì ông không đồng ý. Ông tự nguyện bồi thường số tiền trên thay cho UBND xã MTB, UBND xã GiT và ông L từ tiền cá nhân của ông.

Việc buộc ông công khai họp dân xin lỗi trước tập thể nhân dân thì ông không thống nhất, đồng thời ông khẳng định ông và người thân ông không có nhắn tin đe dọa bà Hai cũng như không có hành vi nào xúc phạm đến bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện người bị kiện ông Nguyễn Tấn Th trình bày:

Vào năm 2018, nhà thầu xây dựng cầu từ thiện có xuống địa bàn ấp P H, xã MTB để khảo sát xây cầu, ông có dẫn nhà thầu xem hai vị trí là cống Bàu Thì và vị trí đất của ông Nguyễn Văn Đ. Sau khi xem xét thì nhà thầu thống nhất chọn vị trí đất của ông Được thuộc ấp Phước Hòa, xã Mong Thọ B để xây cầu ngang sông qua giáp ấp TĐ, xã GiT tại đất của bà Lưu Thị Kim H.

Sau đó khoảng một tháng, ông M - Chủ tịch xã MTB, có kêu ông đi gặp bà H để xin cho xây cây cầu này. Khi ông gặp bà H thì bà H có ý kiến là của bà đang bị tranh chấp nhiều nơi chưa được giải quyết, khi nào địa phương giải quyết tranh chấp đất cho bà xong thì bà đồng ý cho xây cầu trên đất bà. Khoảng hơn 20 ngày sau, ông có xuống gặp bà H lần nữa thì bà H vẫn trả lời như vậy, ông có hướng dẫn bà H đi gửi đơn để giải quyết nhưng bà H lại không đồng ý, bà H nói để hỏi ý kiến của các anh cấp trên, sau khi có kết quả thì bà đồng ý cho xây cầu. Thời điểm này đơn vị thi công vẫn chưa tiến hành xây cầu. Sau đó, ông về báo lại với UBND xã MTB việc ý kiến bà H, thì UBND xã nói để làm việc lại với bà H. Từ đó về sau ông không có xuống gặp bà H nữa.

Ông xác định, ông và người thân của ông không có nhân tin đe dọa bà H, cũng không có hành vi nào xúc phạm đến bà H, nên trong sự việc này ông không sai, không đồng ý xin lỗi theo yêu cầu bà H.

**** Trong quá trình giải quyết người bị kiện Chủ tịch UBND xã GiT - ông Trần Văn L, đồng thời là người đại diện cho người bị kiện UBND xã GiT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang trình bày:***

Ngày 19/9/2018, UBND xã GiT nhận được đơn của bà Lưu Thị Kim H do UBND huyện CT chuyển đến, khiếu nại việc UBND xã MTB cho xây dựng cầu qua kinh Trà Nôm giữa xã MTB giáp xã GiT qua phần đất của bà H. UBND xã GiT cử cán bộ xuống hiện trường xác minh vụ việc và cáo báo cáo bằng văn bản số 32/BC-UBND ngày 25/8/2018 gửi UBND huyện CT.

UBND xã MTB cho xây dựng cầu qua kinh Trà Nôm tại vị trí đất của bà H là có thật, nhưng không có sự phối hợp và thông báo nào cho UBND xã GiT biết, hơn nữa UBND xã GiT không có nhu cầu xây dựng cây cầu này.

Ngày 16/10/2018, UBND huyện CT tổ chức đối thoại giải quyết ý kiến phản ánh của bà H do Chủ tịch UBND huyện chủ trì cùng các ban ngành đoàn thể cấp huyện và chủ tịch UBND 02 xã MTB và xã GiT. Qua đối thoại, Chủ tịch UBND huyện CT kết luận: Việc xây dựng cầu chưa có sự trao đổi với dân, UBND xã MTB cần rút kinh nghiệm, đồng thời dừng thi công, nếu không thỏa thuận được thì phải tháo dỡ. Sau đó UBND xã MTB đã cho ngưng thi công và tháo dỡ các trụ cầu trả lại hiện trạng ban đầu.

Việc bà H cho rằng Chủ tịch UBND xã GiT tiếp tay cho ông Th xây dựng cầu để phân lô bán nền và không ngăn chặn việc xây dựng cầu gây ảnh hưởng đến uy tín, tổn thất tinh thần, thiệt hại kinh tế cho bà H là không đúng. Vì vụ việc này UBND xã MTB

chủ động, thực hiện sai nguyên tắc dân chủ, có đình chỉ thi công hoặc tháo dỡ là do UBND xã MTB thực hiện, không phải UBND xã GiT.

Việc xây dựng cầu qua kinh Trà Nôm phía xã MTB không có sự phối hợp với xã GiT, đến khi bà H phản ánh xã GiT mới hay. Khi nhận được đơn yêu cầu của bà H thì UBND xã GiT đã xác minh vụ việc, báo cáo UBND huyện và trực tiếp tham gia đối thoại cùng bà H. Trong quá trình bà H gửi đơn đến UBND xã GT, UBND xã đã giải quyết theo đúng thẩm quyền, trình tự giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhưng còn chậm trong việc xử lý đơn.

Đối với phần khắc phục tháo dỡ phần mộ cầu, bồi thường thiệt hại cũng như việc công khai xin lỗi thì phía UBND xã GiTượng không liên quan nên không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện CT tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lưu Thị Kim H.

Tuyên bố hành vi xây dựng cầu giao thông nông thôn đi qua thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 xã GiT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng đất của bà Lưu Thị Kim H của UBND xã MTB là trái quy định của pháp luật.

Buộc UBND xã MTB tháo dỡ công trình xây dựng cầu để trả lại hiện trạng đất cho bà H (Hiện nay đã khắc phục xong).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc M - Đại diện UBND xã MTB khắc phục thiệt hại ngày công lao động cho bà Lưu Thị Kim H với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), đồng thời ghi nhận sự nguyện của ông Nguyễn Ngọc M tự nguyện nộp thay cho UBND xã MTB số tiền 20.000.000đ khắc phục thiệt hại nêu trên.

Các bên đương sự tiến hành giao nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Buộc UBND xã MTB và ông Nguyễn Ngọc M - Chủ tịch UBND xã MTB có trách nhiệm liên đới chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ.

Bà H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0009747 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án còn bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/12/2019, bà Lưu Thị Kim H có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

1. Bản án sơ thẩm xác định hành vi xây dựng cầu giao thông nông thôn là không chính xác mà phải nói rõ là xây dựng cầu qua sông để phân lô bán nền, chứ không phải cầu giao thông nông thôn cho dân sử dụng chung.

2. Buộc Ủy ban nhân dân xã GiT và Ủy ban nhân dân xã MTB liên đới bồi thường cho bà số tiền 54.500.000đ, bao gồm tiền thu nhập thực tế bị mất và tổn thất tinh thần.

3. Buộc ông M, ông L và ông Th họp dân hai xã MT B và xã GiT công khai xin lỗi trước dân và yêu cầu người thân của họ chấm dứt hành vi đe dọa bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện Lưu Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Lưu Thị Kim H có ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND xã GiT Trần Văn L, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện UBND xã GiT có ý kiến: không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà Lưu Thị Kim H.

- Đại diện VKS nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lưu Thị Kim H, sửa bản án sơ thẩm đối với phần xác định mục đích UBND xã MTB cho xây dựng cầu bê tông từ đất bà H qua sông Trà Nôm; buộc UBND xã MTB tháo dỡ những phần còn lại của việc xây dựng cầu; xác định người phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là UBND xã Mong Thọ B chứ không phải là UBND xã MTB và ông Nguyễn Ngọc M liên đới chịu án phí như án sơ thẩm tuyên. Không chấp nhận phần kháng cáo của bà H đối với các yêu cầu buộc UBND xã MTB và UBND xã GiT liên đới bồi thường 54.500.000đ, mà chỉ ghi nhận sự tự nguyện của ông M bồi thường cho bà H 20.000.000đ; yêu cầu buộc ông M, ông L, ông Th họp dân công khai xin lỗi và buộc người thân của họ chấm dứt hành vi nhử tin đe dọa bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét và tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của người tham gia tố tụng nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người khởi kiện Lưu Thị Kim H có hình thức đúng quy định của pháp luật, được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Người bị kiện là UBND xã MThB, Chủ tịch UBND xã MTB và ông Nguyễn Tấn Th vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện Lưu Thị Kim H nêu trên, thấy rằng:

* Đối với phần yêu cầu xác định việc UBND xã MTB cho xây dựng cầu là để một số người phân lô bán nền, chứ không phải cầu giao thông nông thôn cho dân sử dụng chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của UBND xã MTB và Chủ tịch UBND xã MTB có ý kiến cho rằng việc xây dựng cầu là nhằm phục vụ nhu cầu giao thông đi lại của nhân dân địa phương. Người đại diện theo pháp luật của UBND xã GiT và Chủ tịch UBND xã GiT có ý kiến xác định địa phương không có nhu cầu xây dựng cây cầu này. Còn bà Lưu Thị Kim H thì cho rằng UBND xã MTB cho xây dựng cầu để một nhóm người phân lô bán nền. Trong khi, chứng cứ có trong hồ sơ chưa thể hiện được mục đích xây dựng cầu theo lời trình bày của bên nào là có cơ sở. Như vậy, mục đích của việc UBND xã MTB cho xây dựng cầu từ đất bà H thuộc ấp Tân Điền, xã GT ngang qua sông Trà Nôm giáp bờ phía bên kia thuộc ấp Phước Hòa, xã MTB chưa được xác định một cách chính xác, nhưng trong bản án sơ thẩm lại ghi hành vi của UBND xã MTB là xây dựng cầu giao thông nông thôn là không có căn cứ, nên việc bà H không đồng ý theo cách ghi của bản án sơ thẩm là có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, do chưa có căn cứ để xác định mục đích của việc cho xây dựng cầu, đồng thời việc xác định mục đích xây dựng cầu cũng không cần thiết và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên chỉ cần xác định loại cầu xây dựng bằng bê tông và việc xây dựng cầu đó đúng hay sai là đủ.

* Đối với phần yêu cầu buộc UBND xã MTB và UBND xã GiT bồi thường 54.500.000đ (gồm 39.600.000đ mất thu nhập và 14.900.000đ tổn thất tinh thần):

Bà H cho rằng, bà có công việc kinh doanh mua bán có thu nhập ổn định thường xuyên, do hành vi của UBND xã cho xây dựng cầu qua đất bà không đúng

quy định, bà phải bỏ thời gian đi yêu cầu, khiếu kiện nên mất thu nhập, buộc phải bồi thường cho bà 39.600.000đ (200.000đ/ ngày x 198 ngày). Tuy nhiên, bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh thực tế thu nhập của bà trước đó là bao nhiêu và trong thời gian đi khiếu kiện bị giảm sút bao nhiêu; số ngày bà phải bỏ việc làm đi yêu cầu, khiếu kiện và trực tiếp tham gia việc giải quyết vụ việc là bao nhiêu. Mặt khác, nếu cho rằng có người khác thực hiện hành vi không đúng quy định làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, thì bà phải bỏ thời gian đi thực hiện quyền yêu cầu, khiếu kiện để được cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Theo khoản 1 Điều 7 Luật tố tụng hành chính quy định, người khởi kiện trong vụ án hành chính có thể đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra. Trong khi, hành vi hành chính của UBND xã MTB, Chủ tịch UBND xã MTB cho xây dựng cầu bê tông trên phần đất của bà H không đúng quy định mà bà khởi kiện trong vụ án này không có chứng cứ gì chứng minh có xâm phạm đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của bà, nên không thể buộc họ phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bà như quy định tại Điều 592 Bộ luật dân sự.

Do đó, việc bà H yêu cầu bồi thường các khoản tiền trên là không có căn cứ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc M có ý kiến tự nguyện bồi thường cho bà H 20.000.000đ, nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của ông M là phù hợp.

* Đối với phần yêu cầu buộc ông M, ông L và ông Th hợp dân công khai xin lỗi và buộc người thân của họ chấm dứt việc nhử tin đe dọa bà:

Như trên đã nêu, khoản 1 Điều 7 Luật tố tụng hành chính quy định người khởi kiện trong vụ án hành chính có thể đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra. Như vậy, trong vụ án hành chính, Tòa án chỉ có thể xem xét giải quyết phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra (nếu có), chứ không có thẩm quyền xem xét giải quyết buộc xin lỗi... Do đó, phần yêu cầu này của bà H không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong vụ án hành chính. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết đến phần yêu cầu này của bà H là đúng quy định, kháng cáo của bà không có cơ sở để chấp nhận.

* Ngoài ra, qua xem xét bản án sơ thẩm, đối chiếu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến thực tế tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, phần quyết định của bản án sơ thẩm có một số sai sót và thể hiện không đúng thực tế cần phải điều chỉnh, cụ thể:

Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm xác định, UBND xã MTB đã

khắc phục xong việc tháo dỡ cầu trả lại hiện trạng đất cho bà H với nguyên văn “*Buộc Ủy ban nhân dân xã MTB tháo dỡ công trình xây dựng cầu để trả lại hiện trạng đất cho bà H (Hiện nay đã khắc phục xong)*” là không đúng với thực tế. Bởi trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đến xem hiện trạng tại vị trí xây dựng cầu, không có biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ có sự thống nhất xác nhận của các đương sự về việc đã khắc phục xong việc tháo dỡ, mà chỉ dựa vào lời trình bày của một bên đương sự cho là đã tháo dỡ xong để ghi vào bản án là không có căn cứ. Trong khi, cũng chính trong bản án sơ thẩm phần ghi ý kiến của ông M có đoạn nêu: ...bê tông còn sót lại trên nền đất, ông cam kết sau khi xét xử xong sẽ tiếp tục di dời phần bê tông này cho bà H (bút lục 162). Như vậy, không thể có việc khi xét xử và tuyên án sơ thẩm việc tháo dỡ cầu đã khắc phục xong, vì nếu đã khắc phục xong thì không thể có việc ông M cam kết sau khi xét xử xong tiếp tục di dời. Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đến xem xét hiện trạng tại chỗ xác định được, vẫn còn đoạn bê tông vùi lấp dưới đất tại vị trí xây dựng cầu trước đây (bút lục 196). Như vậy, ý kiến của bà H đưa ra trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án cho rằng việc tháo dỡ, di dời công trình xây dựng cầu chưa được thực hiện xong toàn bộ là có cơ sở. Do đó, trong bản án phải ghi là buộc tháo dỡ công trình xây dựng cầu. Quá trình thi hành bản án xác định đã tháo dỡ, di dời xong hay chưa thì căn cứ vào thực tế mà cơ quan thi hành án và các đương sự cùng thống nhất xác định.

Bản án sơ thẩm ghi các bên tiến hành giao nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT là không cần thiết và không đúng quy định. Bởi lẽ, việc thi hành án phần này thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự, thì các đương sự thực hiện quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, chứ bản án không cần phải ghi giao nhận tiền tại đâu.

Bản án sơ thẩm xác định hành vi cho xây dựng cầu của UBND xã MTB là sai và buộc UBND xã MTB phải khắc phục, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì UBND xã MTB phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Việc bản án sơ thẩm buộc UBND xã MTB và ông Nguyễn Ngọc M liên đới chịu án phí hành chính sơ thẩm là không đúng quy định.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần kháng cáo của người kiện Lưu Thị Kim H, sửa bản án sơ thẩm với những nội dung như nêu trên.

[4]. Về án phí, theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, người kháng cáo Lưu Thị Kim H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

** Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính:*

Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện bà Lưu Thị Kim H;

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

** Căn cứ khoản 1, điểm c, g khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.*

** Căn cứ khoản 2, khoản 6 Điều 32; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Kim H.

Tuyên bố hành vi của UBND xã MTB, huyện CT, tỉnh Kiên Giang cho xây dựng cầu bê tông đi qua thửa đất số 02, tờ bản đồ số 03 xã GiT, huyện CT, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của bà Lưu Thị Kim H là trái quy định của pháp luật.

Buộc UBND xã MTB, huyện CT, tỉnh Kiên Giang tháo dỡ công trình xây dựng cầu bê tông tại phần đất của bà Lưu Thị Kim H nêu trên để trả lại hiện trạng đất cho bà H sử dụng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc M - Đại diện UBND xã MTB, huyện CT, tỉnh Kiên Giang bồi thường thiệt hại cho bà Lưu Thị Kim H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), đồng thời ghi nhận sự nguyện của ông Nguyễn Ngọc M tự nguyện nộp thay cho UBND xã MT B số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bồi thường thiệt hại cho bà H nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lưu Thị Kim H nếu ông Nguyễn Ngọc M không bồi thường hoặc bồi thường không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng ông M còn phải trả tiền lãi cho bà H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí :

Buộc UBND xã MTB, huyện CT, tỉnh Kiên Giang phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Lưu Thị Kim H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số 0009747 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Bà Lưu Thị Kim H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Lưu Thị Kim H 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số số 0002054 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Tòa án ND huyện Châu Thành;
- Các đương sự trong vụ án;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Linh